

Bản án số: 143/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 23/6/2021  
Về việc: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trường.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Đăng Thám.

+ Bà Trần Thị Xuân Tiên.

*- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên*

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngô Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 2, thôn A, xã Q, huyện Q, Quảng Nam.

**Bị đơn:** Nguyễn L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Tổ 4, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2021 và biên bản trình bày cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị L trình bày:*

Tôi và anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu đi đến kết hôn vào năm 1994, có đăng kí kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh L đánh đập Tôi nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2012 đến nay. Anh L về xã B, huyện Thăng T sinh sống, còn tôi và con thì sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh, không ai quan tâm đến nhau. Nay tôi thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên mong tòa cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn L.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn L có 04 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1998; Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm: 2000 và Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/2012. Nguyễn vọng của tôi xin nuôi cháu L và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và anh L không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Tôi và anh L không có nợ chung.

*\* Theo bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn L trình bày:* Tôi thống nhất thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên tôi và chị L sống ly thân từ 2012 đến nay. Nay chị L xin ly hôn, tôi đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và chị L có 04 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Nguyễn Thị L, sinh năm: 1998; Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm: 2000 và Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/2012. Nguyễn vọng của tôi xin nuôi cháu Lo và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và chị L không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Tôi và chị L không có nợ chung.

**\* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Nguyễn L.

- Về con chung: Xử giao cho chị Ngô Thị L nuôi con chung Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/201 đến 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Nguyễn L cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh L đều không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Chị L và anh L đều khai không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn L cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Ngô Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ngô Thị L.

**[2] Về nội dung vụ án:** Chị Ngô Thị L và anh Nguyễn L tự nguyện tìm hiểu kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù mâu thuẫn này đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng cuộc sống vợ chồng chị L, anh L vẫn không thay đổi. Chị L, anh L đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến nhau. Nay chị L, anh L thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc nên đều xin thuận tình ly hôn. Việc xin thuận tình ly hôn của chị L, anh L phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nên xét công nhận.

**[3] Về con chung:** Chị L và anh L có 04 con chung tên là Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Nguyễn Thị L, sinh năm 1998; Nguyễn Thị Diệu L, sinh năm 2000 và Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/2012. Các cháu Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Diệu L hiện nay đủ 18 tuổi tự lực được nên Tòa không điều chỉnh. Đối với cháu Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/2012 hiện nay chưa đủ 18 tuổi, chị L, anh L đều có nguyện vọng xin nuôi con và không ai yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị L, anh L thì thấy: Chị L, anh L hiện nay có việc làm và chỗ ở ổn định, thu nhập đảm bảo để nuôi con. Năm 2012 thì anh L và chị L sống ly thân cho đến nay, anh L về quê ở xã B, huyện T làm ăn sinh sống. Chị L ở tại thành phố Hồ Chí Minh sinh con, nuôi con khôn lớn, cháu L hiện nay đang theo học tại thành phố Hồ Chí Minh và có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, chị L có nguyện vọng xin nuôi con là có căn cứ, đúng pháp luật nên xử giao con chung Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/2012 cho chị L nuôi dưỡng đến 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Nguyễn L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**[4] Về tài sản chung:** Chị L và anh L đều khai không có nên HĐXX không xét.

**[5] Về nợ chung:** Chị L và anh L khai không có nên HĐXX không xét.

**[6] Về án phí:** Xử buộc chị Ngô Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 177, điểm b khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều

55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Nguyễn L.

**2. Về con chung:** Xử giao cho chị Ngô Thị L nuôi con chung Nguyễn Hoàng Minh L, sinh ngày 26/7/2012 đến 18 tuổi trưởng thành.

Chị Ngô Thị L không yêu cầu anh Nguyễn L cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Về án phí:** Xử buộc chị Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) án phí LHST, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng y) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0005909 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các cơ quan tiền hành tố tụng
- Những người tham gia tố tụng
- UBND xã B
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký và đóng dấu)